

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

TIỂU LUẬN

Chính sách Kinh tế đối ngoại

ĐỀ TÀI:

“TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP, CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐƯỢC COI LÀ CÔNG CỤ HỮU HIỆU ĐỂ ĐIỀU TIẾT HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA CÁC QUỐC GIA VÀ LIÊN HỆ TẠI VIỆT NAM”.

Nhóm 2 : Nguyễn Quỳnh Hoa (*Trưởng nhóm*)
Nguyễn Thị Minh Huệ
Nhữ Thị Huệ
Vũ Quỳnh Anh
Nguyễn Đức Tùng
Đỗ Văn Trọng

Lớp : CH.K24N

Giảng viên hướng dẫn: TS. Đỗ Thị Hương

THÁNG 6/2016

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ RÀO CẢN KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	2
1. Các khái niệm	2
1.1. Thuật ngữ rào cản kỹ thuật đối với thương mại	2
1.2. Tiêu chuẩn	2
1.3. Quy chuẩn kỹ thuật	3
1.4. Phân biệt quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật []	3
2. Các loại rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế	3
2.1. Một số cách phân loại rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế []	3
2.2. Phân loại rào cản kỹ thuật theo các Hiệp định Thương mại của WTO	4
3. Nội dung các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật trong thương mại quốc tế	6
3.1. Các quy định về sức khỏe và an toàn.....	6
3.2. Các quy định về quản lý chất lượng	7
3.3. Các quy định về bảo vệ môi trường	7
3.4. Các quy định tiêu chuẩn về lao động và trách nhiệm xã hội.....	8
4. Mục đích của rào cản kỹ thuật trong thương mại	9
4.1. Bảo hộ sản xuất trong nước	9
4.2. Nâng cao chất lượng sản phẩm, lợi ích cho người tiêu dùng	11
4.3. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.....	11
II. VAI TRÒ ÁP DỤNG RÀO CẢN KỸ THUẬT ĐỂ ĐIỀU TIẾT HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU.	13
1. Đối với hoạt động xuất khẩu	13
1.1. Tác động tích cực	13
1.2. Tác động tiêu cực	14
2. Đối với nước nhập khẩu	14
2.1. Tác động tích cực	14
2.2. Tác động tiêu cực	14
3. Kinh nghiệm áp dụng rào cản kỹ thuật ở một số quốc gia trên thế giới [] .	14
3.1. Rào cản kỹ thuật tại Trung Quốc	14
3.2. Rào cản kỹ thuật tại Hoa Kỳ.....	18

3.3. Rào cản kỹ thuật tại EU.....	20
III. TÁC ĐỘNG CỦA RÀO CẢN KỸ THUẬT TỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP.....	24
1. Tác động của rào cản kỹ thuật tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam	24
1.1. Đối với hàng dệt may	24
1.2. Đối với mặt hàng giấy dép	25
1.3. Đối với mặt hàng nông sản.....	26
2. Các tiêu chuẩn kỹ thuật cần phải đạt được đối với hàng xuất khẩu Việt Nam.....	27
2.1. Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, an toàn vệ sinh dịch tễ.....	27
2.2. Các tiêu chuẩn chế biến và sản xuất theo quy định môi trường.....	27
2.3. Các yêu cầu về nhãn mác	28
2.4. Các yêu cầu về đóng gói bao bì.....	28
2.5. Nhân sinh thái	29
3. Một số giải pháp để Việt Nam vượt rào cản kỹ thuật trong TMQT	29
3.1. Đối với nhà nước	29
3.2. Đối với các hiệp hội	34
3.3. Đối với doanh nghiệp.....	35
KẾT LUẬN	38
TÀI LIỆU THAM KHẢO	39

LỜI MỞ ĐẦU

Thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN, tham gia AFTA, APEC, ASEM; trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO và tham gia Hiệp định Thương mại tự do TPP. Trong bối cảnh khu vực hóa và quốc tế hóa diễn ra với quy mô ngày càng lớn, tốc độ ngày càng nhanh trên tất cả các lĩnh vực, cả về chiều sâu và chiều rộng; các nước, đặc biệt là các nước công nghiệp phát triển một mặt luôn đi đầu trong việc đòi hỏi phải đàm phán mở cửa thị trường và thúc đẩy tự do hóa thương mại, mặt khác lại luôn đưa ra các biện pháp tinh vi hơn với nhiều rào cản phức tạp hơn nhằm bảo hộ sản xuất trong nước của họ hay các mục đích công cộng khác. Tùy vào điều kiện phát triển kinh tế mỗi quốc gia, các rào cản thương mại quốc tế, đặc biệt là các tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng linh hoạt, tinh vi, phức tạp nói lỏng, thắt chặt, phức tạp trong từng thời kỳ khác nhau.

Quá trình thực hiện các cam kết quốc tế về kinh tế, thương mại mà Việt Nam đã ký kết hoặc chuẩn bị tham gia cũng luôn đi liền với việc chúng ta phải điều chỉnh chính sách, mở cửa thị trường nội địa. Để bảo vệ nền sản xuất trong nước, phát triển đồng đều và hướng đến các mục tiêu xã hội, cần phải có sự nghiên cứu toàn diện về các rào cản thương mại quốc tế, trong đó có tiêu chuẩn kỹ thuật và kinh nghiệm của một số quốc gia để chúng ta có thể xây dựng được những chính sách hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế; đồng thời bảo hộ có sự lựa chọn, có thời hạn, có điều kiện và bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong phạm vi của nghiên cứu, nhóm tác giả lựa chọn đề tài ***“Trong điều kiện hội nhập, các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật được coi là công cụ hữu hiệu để điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các quốc gia và liên hệ tại Việt Nam”***.

Với giới hạn về thời gian và điều kiện nghiên cứu, chắc chắn đề tài không thể tránh khỏi những mặt hạn chế. Nhóm tác giả rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của quý thầy cô và các bạn để hoàn thiện thêm nghiên cứu này.

Xin trân trọng cảm ơn!

I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ RÀO CẢN KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Các khái niệm

“Rào cản trong thương mại quốc tế” thường được chia làm hai loại là các rào cản thuế quan và các rào cản phi thuế quan. Với sự ra đời và phát triển của tổ chức thương mại thế giới (WTO), xóa bỏ, cắt giảm “hàng rào thuế quan” là nguyên tắc cơ bản của WTO, chi phối mối quan hệ giữa các quốc gia; nhưng đồng thời, với việc cắt giảm hàng rào thuế quan, các quốc gia đang có xu hướng áp dụng ngày càng nhiều hơn các “rào cản phi thuế quan”. Bởi vậy, tiếp theo việc cắt giảm thuế quan thì trọng tâm của WTO và các hiệp ước quốc tế khác đã chuyển thành loại trừ các rào cản phi thuế quan trong thương mại. Tuy nhiên, việc thực hiện tiến trình này tương đối khó khăn cho dù WTO đã thống nhất về cách hiểu thế nào là rào cản phi thuế quan nhưng nhiều rào cản phi thuế quan lại chưa được xác định rõ ràng.

Hiện nay, cơ sở pháp lý để điều chỉnh các rào cản kỹ thuật trong thương mại của WTO có tới hai Hiệp định là *Hiệp định về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại* (Hiệp định TBT) và *Hiệp định về biện pháp vệ sinh và an toàn thực phẩm* (Hiệp định SPS) nhưng trong cả hai hiệp định này đều không định nghĩa rõ ràng thế nào là rào cản kỹ thuật thương mại.

1.1. Thuật ngữ rào cản kỹ thuật đối với thương mại

Thuật ngữ **rào cản kỹ thuật đối với thương mại** được WTO đề cập chính thức tại Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT), được hiểu là các **tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật** mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu hoặc **quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp** của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó. Sau đây gọi chung là các biện pháp kỹ thuật – biện pháp TBT.

1.2. Tiêu chuẩn

Hiệp định TBT định nghĩa **tiêu chuẩn** là: “Tài liệu do một cơ quan được thừa nhận ban hành để sử dụng chung và nhiều lần, trong đó quy định các quy tắc, hướng dẫn hoặc các đặc tính của sản phẩm, hoặc các quy trình và phương pháp sản xuất có liên quan *mà việc tuân thủ là không bắt buộc*. Tài liệu này có thể bao gồm tất cả hoặc chỉ liên quan riêng đến thuật ngữ, biểu tượng, cách thức đóng gói, yêu cầu về dán nhãn hoặc ghi nhãn được áp dụng cho một sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp sản xuất”.^[1]

1.3. Quy chuẩn kỹ thuật

Hiệp định TBT định nghĩa **quy chuẩn kỹ thuật** là: “Tài liệu quy định đặc tính của sản phẩm hoặc quy trình và các phương pháp sản xuất có liên quan, bao gồm các quy định hành chính *mà việc tuân thủ là bắt buộc*. Quy chuẩn kỹ thuật có thể bao gồm tất cả hoặc chỉ liên quan riêng đến thuật ngữ, biểu tượng, cách thức đóng gói, yêu cầu về dán nhãn hoặc ghi nhãn được áp dụng cho một sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp sản xuất”.^[2]

1.4. Phân biệt quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật ^[3]

Phân biệt	Quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn kỹ thuật
Đối tượng,	Gồm các quy định các <u>đặc tính</u> của sản phẩm và <u>quy trình quản lý</u> .	Gồm các quy định các <u>đặc tính sản phẩm</u> và các <u>yêu cầu kỹ thuật</u> .
Phạm vi áp dụng	Quốc gia	Quốc gia/doanh nghiệp
Mức độ ảnh hưởng	<u>Bắt buộc áp dụng</u> , quy định hành chính, có <u>hiệu lực pháp luật/pháp chế</u>	Khuyến nghị, không bắt buộc, <u>tự nguyện áp dụng</u> ; được xây dựng bởi các bên liên quan theo <u>nguyên tắc đồng thuận</u> .
Cách thức xây dựng	Là trách nhiệm của Chính phủ	Tổ chức lĩnh vực công hoặc tư nhân

2. Các loại rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế

Trong thương mại quốc tế, rào cản kỹ thuật được các quốc gia sử dụng rất phong phú và đa dạng, thông qua biện pháp, cách thức và mức độ sử dụng. Việc phân loại rào cản kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá rào cản kỹ thuật trong thương mại, đồng thời cung cấp cho các nhà phân tích, nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp một cơ sở lý luận để áp dụng trong thảo luận, thương lượng, đàm phán, ký kết và sản xuất kinh doanh.

2.1. Một số cách phân loại rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế ^[4]

- *Phân loại rào cản kỹ thuật theo công cụ chính sách*: gồm có lệnh cấm nhập khẩu (một phần/hoàn toàn); đặc điểm kỹ thuật (gồm các tiêu chuẩn về quy trình (sản xuất)/về sản phẩm/về đóng gói hàng hóa) và yêu cầu về thông tin sản phẩm (như yêu cầu về nhãn mác hay các hạn chế khiếu nại một cách tự nguyện);

- *Phân loại rào cản kỹ thuật theo phạm vi áp dụng*: hàng hóa sản xuất nội địa và hàng hóa nhập khẩu theo biện pháp đồng bộ/biện pháp phổ thông hay biện pháp cụ thể;

- *Phân loại rào cản kỹ thuật theo mục đích quản lý*: xuất phát từ ba mục tiêu xã hội là bảo vệ lợi ích của người sản xuất/lợi ích người tiêu dùng/bảo vệ môi trường theo nhóm các biện pháp làm giảm nguy cơ (bảo vệ sức khỏe động thực vật thương mại/an toàn thực phẩm/bảo vệ môi trường tự nhiên khỏi loài gây hại) và nhóm các biện pháp không làm giảm nguy cơ (các biện pháp liên quan đến tính tương thích/liên quan tới chất lượng sản phẩm/bảo tồn môi trường tự nhiên);

- *Phân loại rào cản kỹ thuật theo nội dung công cụ*: là cách phân loại được doanh nghiệp hết sức quan tâm bao gồm tiêu chuẩn sản phẩm (bắt buộc/không bắt buộc liên quan đến chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm); kiểm dịch động thực vật (liên quan đến quy trình đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động thực vật); các quy định về nhãn mác sản phẩm (nội dung, hình thức sản phẩm); các quy định về trách nhiệm xã hội (liên quan đến quá trình sản xuất ra hàng hóa) và các quy định liên quan đến môi trường (liên quan đến tiêu chuẩn, đặc tính của sản phẩm trong quá trình sản xuất).

2.2. Phân loại rào cản kỹ thuật theo các Hiệp định Thương mại của WTO

Quy chuẩn kỹ thuật (*technical regulations*): là những yêu cầu kỹ thuật có giá trị áp dụng bắt buộc trong quá trình sản xuất (bắt buộc các doanh nghiệp phải tuân thủ);

Tiêu chuẩn kỹ thuật (*technical standards*): là các tiêu chuẩn kỹ thuật được một tổ chức được công nhận chấp thuận nhưng không có giá trị áp dụng bắt buộc;

Cả hai thuật ngữ **tiêu chuẩn kỹ thuật** và **quy chuẩn kỹ thuật** đều bao hàm:

- Các đặc tính của sản phẩm, bao gồm cả đặc tính về chất lượng;
- Quy trình công nghệ và phương pháp sản xuất (Progress and Production Methods – PPMs) có ảnh hưởng đến đặc tính của sản phẩm. Các quy trình và phương pháp này xác định các chuẩn mực liên quan đến cách sản xuất ra các hàng hóa đó. Các tiêu chuẩn PPMs áp dụng trước và trong giai đoạn sản xuất, nghĩa là trước khi được đưa ra thị trường. Bởi vậy, các quy định của Hiệp định TBT trước hết áp dụng cho các tiêu chuẩn sản phẩm, chúng không điều chỉnh các tiêu chuẩn PPM trừ khi các quy trình hoặc phương pháp sản xuất ảnh hưởng đến chất lượng hoặc các đặc tính khác của sản phẩm.

- Thuật ngữ và ký hiệu;

- Các yêu cầu về đóng gói và ghi nhãn mác được áp dụng cho sản phẩm.

Quy trình đánh giá sự phù hợp của một loại hàng hóa với các quy định/tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (*conformity assessment procedure*), bao gồm: Các yêu cầu, qui định đối với sản phẩm; Các thủ tục đánh giá, giám định về chất lượng sản phẩm.

Hiệp định TBT định nghĩa *quy trình đánh giá sự phù hợp* là bất kỳ một thủ tục nào được áp dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định rằng các yêu cầu liên quan trong các tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật có được thực hiện hay không.

Việc đánh giá sự phù hợp với các tiêu chuẩn bằng cách mời cơ quan trung gian thứ ba thường được thực hiện theo các hình thức sau:

- Kiểm nghiệm sản phẩm;
- Chứng nhận sản phẩm sau khi giám định;
- Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng;
- Các thủ tục công nhận.

Có một lưu ý, Hiệp định TBT tập trung vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống phải tuân theo trong việc đánh giá sự phù hợp; được áp dụng cho cả sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản nhập khẩu trong một số trường hợp phải tuân theo không chỉ các quy định kỹ thuật mà còn phải tuân theo cả các biện pháp kiểm dịch động thực vật (các biện pháp vệ sinh dịch tễ) của các nước nhập khẩu. Đây là nội dung điều chỉnh của **Hiệp định SPS** (Sanitary and Phytosanitary Measures).

[⁵] **Các biện pháp SPS** hướng tới các mục tiêu: bảo vệ cuộc sống, sức khỏe con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc đảm bảo vệ sinh thực phẩm và ngăn chặn các dịch bệnh.

Các biện pháp TBT hướng tới nhiều mục tiêu chính sách khác nhau như an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh...

Việc phân biệt khi nào một yêu cầu là biện pháp kỹ thuật hay biện pháp vệ sinh dịch tễ là rất quan trọng đối với doanh nghiệp bởi mỗi loại biện pháp sẽ chịu sự điều chỉnh của các nguyên tắc và quy định khác nhau của WTO; trên cơ sở đó, doanh nghiệp biết bảo vệ quyền lợi của mình bằng phương pháp nào thì thích hợp.

3. Nội dung các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật trong thương mại quốc tế

3.1. Các quy định về sức khỏe và an toàn

Tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn cho người sử dụng: Đây là một trong những tiêu chuẩn hết sức quan trọng, bao gồm những quy định, tiêu chuẩn về an toàn chung (quy định về nhãn mác, đóng gói, ký hiệu mã sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ...)

Tiêu chuẩn thường được áp dụng là: Hệ thống HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Points): là hệ thống phân tích mối nguy và xác định điểm kiểm soát tới hạn trọng yếu trong quá trình chế biến thực phẩm. Hệ thống này kiểm soát mối nguy tiềm tàng trong toàn bộ quá trình chế tạo, gia công, sản xuất và sử dụng thực phẩm để đảm bảo rằng thực phẩm là an toàn khi tiêu dùng, không có mối nguy cho sức khỏe. sản xuất, lưu thông sản phẩm thay vì kiểm tra chất lượng sản phẩm cuối cùng, một phương pháp rất khó kiểm soát chất lượng sản phẩm và rất tốn kém; tập trung vào phòng ngừa thay vì chờ hư hỏng mới tìm cách khắc phục. Thường được áp dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, các sản phẩm thịt...

- Ưu điểm của hệ thống HACCP:
 - Tập trung vào việc nhận biết và ngăn ngừa mối nguy hiểm tiềm ẩn thực phẩm;
 - Dựa trên tính khoa học, đúng đắn;
 - Thuận lợi cho việc giám sát sự tuân thủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề vệ sinh thực phẩm;
 - Tập trung vào các mối nguy có thể thấy được;
 - Dễ dàng kết hợp với các hệ thống quản lý chất lượng khác.
- Hạn chế của HACCP:
 - Áp dụng HACCP vào thực tế khá phức tạp vì nó phụ thuộc vào điều kiện trang thiết bị, trình độ quản lý và trình độ tay nghề của mỗi doanh nghiệp và nguồn nguyên liệu khai thác.
 - Quan trọng nhất là vấn đề hiểu đúng các mối nguy đối với an toàn, vệ sinh thực phẩm và áp dụng đúng quy trình công nghệ chế biến, sao cho mối nguy được giới hạn trong phạm vi cho phép và không làm mất đi các giá trị khác của sản phẩm.
 - Áp dụng HACCP không tốn kém nhưng đòi hỏi từ lãnh đạo đến công nhân phải hết sức tỉ mỉ, kiên nhẫn và có tính tập thể cao.

- Trước khi áp dụng HACCP cho tất cả các công đoạn của dây chuyền sản xuất thì dây chuyền sản xuất phải được tiến hành theo GMP (Good Manufacturing Practices - tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn cho sản xuất) và nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm của CODEX. Khả năng áp dụng HACCP tùy thuộc vào khả năng áp dụng GMP này.

3.2. Các quy định về quản lý chất lượng

Theo số liệu của ISO, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 đề cập đến các lĩnh vực chủ yếu trong quản lý chất lượng như chính sách và chỉ đạo về chất lượng, nghiên cứu thị trường, thiết kế triển khai sản phẩm và quá trình cung ứng, kiểm soát quá trình, bao gói, phân phối dịch vụ sau khi bán, xem xét đánh giá nội bộ, kiểm soát đào tạo... ISO là tập hợp các kinh nghiệm quản lý chất lượng tốt nhất đã được thực thi trong nhiều quốc gia và khu vực, đã được chấp nhận thành tiêu chuẩn của nhiều nước. Tiêu chuẩn ISO có thể được áp dụng cho mọi tổ chức thuộc các lĩnh vực khác nhau như sản xuất, chế biến, dịch vụ, in ấn, lâm nghiệp, điện tử, tài chính, kế toán, xây dựng, dệt may, dược phẩm, nghiên cứu, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, dịch tễ, phát triển phần mềm, vận tải, thiết kế, thông tin liên lạc, bảo hiểm, giải trí...

Các nguyên tắc cơ bản của quản lý chất lượng theo ISO 9000 là: định hướng vào khách hàng, vai trò của lãnh đạo, sự tham gia của mọi người, phương pháp quá trình, quản lý theo phương pháp hệ thống, cải tiến liên tục, ra quyết định dựa trên thực tế, quan hệ cùng có lợi với nhà cung cấp

Bộ tiêu chuẩn đang được sử dụng chủ yếu là ISO 9001:2008 và phiên bản mới là ISO 9001:2015 bao gồm các yêu cầu, quy định đối với sản phẩm, các thủ tục đánh giá, giám định về chất lượng sản phẩm.

3.3. Các quy định về bảo vệ môi trường

Quy định về bảo vệ môi trường. ISO 14000 là một bộ các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường, trong đó ISO 14001 và ISO 14004 là các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý môi trường. Hệ thống này bao gồm những vấn đề lớn về môi trường như quản lý môi trường, đánh giá chu trình sản phẩm, ghi nhãn môi trường, hoạt động môi trường và các hoạt động khác.

Tiêu chuẩn ISO 14001 tập hợp các yêu cầu quản lý môi trường đối với các hệ thống quản lý môi trường, mục tiêu giúp cho các loại hình tổ chức bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm, cải tiến việc thực hiện toàn diện môi trường của họ.

Bộ tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường đang được sử dụng phổ biến là hệ thống ISO 14001:2004, hết hạn vào năm 2018; và phiên bản mới nhất ISO 14001:2015 là tiêu chuẩn về hệ thống quản trị môi trường (Environment Management System-EMS). Hệ thống này xem xét vấn đề bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm, tạo sản phẩm xanh, sạch, thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.

3.4. Các quy định tiêu chuẩn về lao động và trách nhiệm xã hội

Tiêu chuẩn về lao động và trách nhiệm xã hội. Bên cạnh các tiêu chí quan trọng về chất lượng, vệ sinh, độ an toàn, một trong những yêu cầu gắt gao của người tiêu dùng tại các nước phát triển là các nhà sản xuất và cung ứng dịch vụ phải có sự cam kết chặt chẽ về trách nhiệm đối với xã hội. Tại Mỹ, EU, Nhật Bản và nhiều nước phát triển khác, nhiều người tin rằng các doanh nghiệp với tư cách là những thực thể quan trọng trong xã hội phải có trách nhiệm về đạo đức đối với nhân viên của mình nói riêng, với toàn xã hội nói chung thông qua sản phẩm mà mình cung cấp trên thị trường. Từ đó, các vấn đề đạo đức kinh doanh trở thành tiêu chí để người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm và người cung cấp nội địa (nhà nhập khẩu) lựa chọn bạn hàng. Bởi vậy, hệ thống quản lý về trách nhiệm xã hội đang ngày càng được nhiều quốc gia quan tâm và tiêu chuẩn xã hội trở thành một trong những rào cản lớn đối với xuất khẩu của các nước vào thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản...

Bộ tiêu chuẩn đang được sử dụng hiện nay là bộ SA8000, là bộ tiêu chuẩn đưa ra các yêu cầu về quản trị trách nhiệm xã hội, được xây dựng nhằm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động. SA 8000 đề cập đến các vấn đề như: lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, an toàn sức khỏe, tự do hội họp và thỏa ước lao động tập thể, kỷ luật, thời gian làm việc, sự đền bù và quản lý hệ thống.

- Ưu điểm của hệ thống HACCP:
 - SA 8000 là công cụ quản lý, cung cấp sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và nâng cao nhận thức nhằm cải thiện điều kiện sống và nơi làm việc, giúp các công ty, tổ chức chứng nhận đánh giá điều kiện sản xuất và làm việc.

- Tạo cho các doanh nghiệp một chỗ đứng tốt hơn trong thị trường lao động, giúp doanh nghiệp dễ dàng thu hút được nhân viên có tay nghề và gia tăng sự gắn bó của nhân viên với công ty.

- Giúp doanh nghiệp giảm chi phí giam sản, giảm chi phí quản lý các yêu cầu xã hội... cũng như tăng năng suất chất lượng lao động.

4. Mục đích của rào cản kỹ thuật trong thương mại

Khi kinh tế thế giới chưa có sự hội nhập sâu rộng, các quốc gia thường sử dụng hai loại hàng rào: hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan (trong đó có rào cản kỹ thuật) để hạn chế sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa nội địa trong nước. Với tiến trình tự do hóa thương mại, các quốc gia thành viên tham gia Tổ chức Thương mại thế giới WTO cam kết loại bỏ dần hàng rào thuế quan (xóa bỏ hạn ngạch, thuế xuất nhập khẩu bằng không...). Do đó, rào cản kỹ thuật là một biện pháp quan trọng được các nước sử dụng ngày càng nhiều. Các quốc gia khi áp dụng rào cản kỹ thuật thường đưa ra những quy định rất nghiêm ngặt và khó vượt qua về chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa. Bởi vậy, hàng rào kỹ thuật là một biện pháp hết sức tinh vi và hiệu quả.

Sự khác biệt giữa hàng rào kỹ thuật với các loại rào cản khác là những quy định và yêu cầu của thị trường được phát triển từ những mối quan tâm chung của cả Chính phủ và người tiêu dùng về an toàn, sức khỏe, chất lượng và môi trường.

4.1. Bảo hộ sản xuất trong nước

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại và yêu cầu dỡ bỏ các rào cản thương mại, mang lại rất nhiều cơ hội các quốc gia trong việc đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển nền kinh tế, đặc biệt là với các nước đang phát triển.

Do trình độ phát triển giữa các quốc gia trên thế giới không đồng đều, chất lượng hàng hóa, dịch vụ và giá cả giữa nước này với nước khác có sự khác biệt lớn. Vì vậy, các nước thường có xu hướng phân công lao động để tập trung nguồn lực sản xuất những mặt hàng mà mình có lợi thế hơn. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào cũng dễ dàng chấp nhận từ bỏ một mặt hàng đang có ưu thế hoặc có tiềm năng phát triển để chuyên sang sản xuất một mặt hàng khác, chính điều này làm phát sinh nhu cầu bảo hộ. Các nguyên nhân dẫn đến xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước là:

Thứ nhất, có thị trường quốc tế tức là có sự trao đổi hàng hoá giữa các quốc gia. Nếu một quốc gia không có lợi thế để sản xuất một mặt hàng nào đó, khi cạnh tranh tự

do, dĩ nhiên là sẽ bị đào thải. Trong một số trường hợp, các quốc gia này vẫn duy trì sản xuất mặt hàng đó, do những vấn đề nhạy cảm hay mục đích kinh tế – xã hội khác, làm phát sinh nhu cầu bảo hộ.

Thứ hai, về thực tiễn, ở tất cả các quốc gia tăng trưởng cao nhờ xuất khẩu, dù đã gần đạt tới tỷ suất tự do hoá hoàn toàn, họ vẫn phải thực hiện một số biện pháp bảo hộ thị trường trong nước. Rõ ràng vấn đề bảo hộ thị trường trong nước bằng biện pháp phi thuế ở các quốc gia này vẫn tồn tại, mặc dù họ là người khởi xướng và dẫn dắt việc cắt giảm bảo hộ và tiến tới tự do hoá hoàn toàn thương mại thế giới.

Ví dụ: Dù là một nền kinh tế mạnh nhất thế giới, khởi xướng cho xu thế tự do hóa thương mại và có tầm ảnh hưởng lớn trong WTO, Hoa Kỳ vẫn áp dụng các biện pháp bảo hộ sản xuất trong nước, dù chỉ với một ngành sản xuất nhỏ như cá da trơn (Vụ kiện bán phá giá cá tra - cá ba sa của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ).

Thứ ba, vấn đề bảo hộ mậu dịch càng đặc biệt được chú trọng ở những quốc gia đang phát triển, khi mà lợi thế cạnh tranh chưa cao và nhiều ngành sản xuất trong nước còn non trẻ.

Ví dụ: Việt Nam đang nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng hội nhập thì lại phải đối mặt với những thách thức lớn trước sự xâm nhập của hàng hoá nước ngoài. Điều đó cho thấy, các ngành sản xuất của Việt Nam có rất ít lợi thế cạnh tranh (ngay cả với một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao như gạo, cà phê...), các mặt hàng khác như điện tử, sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, nếu tự do cạnh tranh với hàng nhập ngoại thì sẽ bị đánh bại ngay trên thị trường nội địa. Bởi thế, với những ngành sản xuất cần được chú trọng có liên quan mật thiết tới sự phát triển của nền kinh tế thì cần phải có sự bảo hộ hợp lý và thích đáng để có thể đủ sức đứng vững và cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Có thể nói, chính sách thương mại tự do có mục tiêu là thúc đẩy chuyên môn hóa quốc tế, tối đa hóa lợi ích kinh tế đối với các nền kinh tế nhưng chính sách tự do thương mại không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích như vậy. Thực tiễn cho thấy, xu thế tự do hóa thương mại luôn song hành cùng với nhu cầu bảo hộ trong những điều kiện nhất định. Tự do hóa không phải là một khái niệm mang tính ‘tuyệt đối’. Do mỗi quốc gia có trình độ phát triển khác nhau, xuất phát điểm với quá trình hội nhập khác nhau, mục tiêu kinh tế, chính trị không đồng nhất nên việc áp dụng các chính sách thương mại với nội dung bảo hộ hay tự do hóa là khác nhau. Nhu cầu bảo hộ không

chỉ với những nước đang phát triển mà ngay cả đối với những nước phát triển. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật trong thương mại ngày càng trở nên khắt khe hơn cũng do nguyên nhân này.

4.2. Nâng cao chất lượng sản phẩm, lợi ích cho người tiêu dùng

Do yêu cầu khắt khe của các nước nhập khẩu, các nhà xuất khẩu phải chủ động nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư, đổi mới trang thiết bị, kỹ thuật công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của mình. Chính phủ các nước xuất khẩu (XK) cũng phải sát cánh cùng doanh nghiệp (DN), hỗ trợ các DN, nỗ lực tìm ra các biện pháp chính sách thích hợp để giúp DN vượt rào cản kỹ thuật của nước nhập khẩu. Chính những nỗ lực của nước XK đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của DN và nền kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng XK, tăng thu nhập, tạo việc làm cho nền kinh tế... Các nước XK cũng có thể nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế; nước nhập khẩu để cải thiện năng lực, đáp ứng và vượt qua các rào cản kỹ thuật...

Hàng hóa vượt qua rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế sẽ dễ dàng định vị và củng cố được thương hiệu của mình trên những thị trường đã có, khẳng định được tiêu chuẩn chất lượng với người tiêu dùng nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu; giúp các sản phẩm trong nước định vị được thương hiệu trên thị trường thế giới; góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

Vượt qua rào cản kỹ thuật chính là điều kiện cần thiết để mỗi doanh nghiệp tự nâng cao chất lượng sản xuất, chế biến sản phẩm; điều kiện sản xuất; quản lý, tổ chức và đổi mới công nghệ, đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện tốt các mục tiêu khác về xã hội.

4.3. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững

Chính việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường khắt khe của các thị trường nhập khẩu đồng nghĩa với chất lượng hàng hóa ngày càng tăng, xuất khẩu ngày càng mạnh mẽ; cơ cấu hàng hóa sẽ dịch chuyển dần theo hướng có hàm lượng kỹ thuật cao hơn. Phân công lao động sẽ chuyển dịch, hướng về những ngành nghề xuất khẩu, giải quyết nhiều công ăn việc làm, đời sống nhân dân được tăng lên.

Hàng hóa sản xuất trong nước đáp ứng tốt các tiêu chuẩn môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường sống, làm cho sản xuất sạch hơn, hạn chế được tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên của quốc gia mình. Điều đó chứng

tổ các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và kinh doanh đã có ý thức trong bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Việc đáp ứng các tiêu chuẩn lao động cao của các thị trường nhập khẩu cũng giúp cho người lao động có điều kiện lao động tốt hơn, cải thiện được sức khỏe, an toàn lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, góp phần cải thiện an sinh xã hội, đây là yếu tố cơ bản để đảm bảo ổn định trật tự xã hội, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện nay, có nhiều chuyên gia kinh tế đã nhận định và đưa ra một số xu hướng mà các quốc gia thường sử dụng rào cản kỹ thuật trong thương mại như sau:

- Mở rộng từ lĩnh vực sản xuất và thương mại đến thương mại dịch vụ và đầu tư;
- Xu hướng chuyển đổi từ các biện pháp tự nguyện sang nguyên tắc bắt buộc;
- Mở rộng từ sản phẩm cụ thể đến toàn bộ quá trình sản xuất và hoạt động;
- Tăng sức ảnh hưởng và hiệu ứng khuếch tán;
- Phát triển cùng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và mức sống;
- Kết hợp các rào cản kỹ thuật và vấn đề bằng sáng chế, phát minh, sở hữu trí tuệ;
- Các nước đang phát triển đẩy mạnh thực hiện TBT;
- Tăng cường chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế;
- Rào cản kỹ thuật về an toàn tiêu dùng sẽ ngày càng khắt khe;
- Phối hợp giữa các biện pháp TBT, chống bán phá giá, biện pháp tự vệ và thuế quan.

Nhìn chung, mỗi quốc gia thường theo đuổi nhiều mục tiêu trong chính sách kinh tế, thương mại của mình. Các mục tiêu đó có thể là: (1) Bảo hộ sản xuất trong nước, khuyến khích phát triển một số ngành nghề; (2) Bảo vệ an toàn sức khỏe con người, động thực vật, môi trường; (3) Hạn chế tiêu dùng; (4) Đảm bảo cân bằng cán cân thanh toán, gia tăng kim ngạch xuất khẩu; (5) Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội...

II. VAI TRÒ ÁP DỤNG RÀO CẢN KỸ THUẬT ĐỂ ĐIỀU TIẾT HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU.

1. Đối với hoạt động xuất khẩu

1.1. Tác động tích cực

Thứ nhất, việc các nước tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để hạn chế nhập khẩu là động lực giúp các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp phải thay đổi nhận thức; đề cao các tiêu chuẩn và nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh, chất lượng cho sản phẩm của mình.

Thứ hai, tăng cường kiểm soát chất lượng đầu vào (nguyên, nhiên, phụ liệu) chặt chẽ. Các tiêu chuẩn về dư lượng chất kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật đối với các loại hàng hóa là thực phẩm hay các chất cấm hoặc hạn chế sử dụng đối với các loại hàng hóa tiêu dùng khác... là những yêu cầu bắt buộc mà các nước xuất khẩu phải tuân thủ. Các hệ thống kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm cũng được đề cao; đặc biệt là các đoàn kiểm tra giám sát đến các cơ sở sản xuất để kiểm tra việc thực hiện các quy định này.

Thứ ba, chất lượng hàng xuất khẩu được nâng cao chất lượng toàn diện. Bên cạnh việc đảm bảo chất lượng hàng hóa theo các tiêu chuẩn bắt buộc, các doanh nghiệp còn cần tuân thủ các quy định về đóng gói, ghi nhãn hàng hóa, bao bì... Các yêu cầu này tương đối dễ đáp ứng, nhưng lại có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia, khu vực và thị trường (bởi các quy định, luật lệ). Bởi vậy, nếu không có hệ thống kiểm soát chặt chẽ sẽ dễ vi phạm, bị hải quan các nước trả về. Vì thế, các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải quan tâm đến chất lượng toàn diện.

Thứ tư, ý thức bảo vệ người lao động, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững được nâng lên. Hàng hóa xuất khẩu ngoài việc phải đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng, thì nhà nhập khẩu và người tiêu dùng tại các thị trường này còn quan tâm đến việc doanh nghiệp đã làm ra sản phẩm xuất khẩu như thế nào (có sử dụng lao động trẻ em không, có bảo đảm các yêu cầu về điều kiện làm việc cho người lao động không, việc sản xuất có làm tổn hại, ô nhiễm môi trường không...). Do đó, yếu tố này góp phần giúp các chính phủ, cơ quan quản lý, doanh nghiệp cũng như người lao động tại những nước sản xuất hàng hóa xuất khẩu hướng đến quyền lợi của người lao động và dần nâng cao ý thức, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

1.2. Tác động tiêu cực

Thứ nhất, các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ phải tăng chi phí sản xuất để thay đổi điều kiện sản xuất sao cho đáp ứng được những yêu cầu quy định về kỹ thuật, do đó, làm tăng chi phí và giảm sút lợi nhuận của nhà sản xuất.

Hàng hóa nhập khẩu vào thị trường các nước phát triển (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...) vốn có những yêu cầu khắt khe về chất lượng, độ an toàn. Do đó, các sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường này đều phải tuân thủ, đáp ứng những tiêu chuẩn kỹ thuật rất cao như :các yêu cầu cấm và hạn chế sử dụng các chất độc hại; các quy định về thương hiệu và ghi nhãn hàng hóa; về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội; yêu cầu về nguyên tắc xuất xứ, nguồn gốc nguyên, phụ liệu; yêu cầu về đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động... Các yêu cầu này làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp khi phải thực hiện nghiêm các quy định này.

Thứ hai, ảnh hưởng đến những người lao động hoạt động trong các ngành sản xuất xuất khẩu. Dưới tác động của việc đảm bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với hàng hóa xuất khẩu, có thể dẫn đến nguy cơ phá sản của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu trực tiếp, các doanh nghiệp trong lĩnh vực phụ trợ; từ đó dẫn đến nguy cơ thất nghiệp, mất việc làm đối với người lao động làm việc tại các khu vực này.

2. Đối với nước nhập khẩu

2.1. Tác động tích cực

Thứ nhất, áp dụng rào cản kỹ thuật đã làm nâng cao chất lượng hàng hóa nhập khẩu vào các thị trường khó tính, qua đó, quyền lợi của người tiêu dùng được nâng cao.

Thứ hai, áp dụng rào cản kỹ thuật góp phần tăng cường công tác bảo vệ môi trường.

Thứ ba, bảo hộ nền sản xuất trong nước, hạn chế nhập khẩu hàng hóa nước ngoài.

2.2. Tác động tiêu cực

Thứ nhất, không tạo ra động lực phát triển sản xuất trong nước.

Thứ hai, giảm lợi ích người tiêu dùng và sức sản xuất của các ngành khác trong nền kinh tế

3. Kinh nghiệm áp dụng rào cản kỹ thuật ở một số quốc gia trên thế giới [6]

3.1. Rào cản kỹ thuật tại Trung Quốc

Trung Quốc áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật khác nhau nhằm quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu như:

- Luật kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh.
- Quy định về kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu.

Trong đó có 4 nội dung đáng lưu ý là:

a) Hàng miễn kiểm nghiệm, kiểm dịch phải đạt 3 tiêu chuẩn theo quy định:

- Doanh nghiệp sản xuất phải có hệ thống chất lượng hoàn thiện và nó phải có sự giám sát, đồng ý của Cục Kiểm nghiệm Nhà nước và được cấp chứng nhận do cơ quan kiểm tra chất lượng cấp.
- Doanh nghiệp sản xuất phải có sự chấp nhận của Ủy ban về tiêu chuẩn theo ISO 9000.
- Chất lượng hàng miễn kiểm phải ổn định lâu dài. Tỷ lệ hợp cách xuất khẩu phải đạt 100% liên tục trong 3 năm.

b) Hàng liên quan đến an toàn vệ sinh và có yêu cầu đặc biệt bắt buộc phải kiểm nghiệm, kiểm dịch:

- Lương thực, dầu ăn, thực phẩm, đồ chơi, mỹ phẩm, đồ điện.
- Những mặt hàng được xếp vào quản lý giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu;
- Hàng dễ biến chất hoặc hàng hóa rời
- Hàng mà hợp đồng quy định tỷ lệ, thành phần, hàm lượng trong giấy chứng nhận hàng hóa cấp.
- Đồ đựng, đóng gói hàng nguy hiểm trong xuất nhập khẩu.

c) Quy định về chế độ cấp giấy phép an toàn chất lượng hàng nhập khẩu:

- Hàng liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động khi nhập khẩu vào Trung Quốc phải thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu.
- Hàng nhập khẩu nằm trong danh mục bắt buộc phải có giấy phép, khi chưa được cấp phép an toàn chất lượng thì không được nhập khẩu.
- Hàng chỉ được cấp giấy phép an toàn chất lượng khi đạt các yêu cầu phù hợp với luật pháp và tiêu chuẩn quy định của Trung Quốc.

d) Các quy định về vệ sinh y tế tại cảng, cửa khẩu Trung Quốc.

- Tại các cảng, cửa khẩu Trung Quốc có các bộ phận giám sát vệ sinh. Đối tượng kiểm dịch y tế gồm: Các phương tiện giao thông, khách xuất nhập cảnh nhằm phát hiện và xử lý vệ sinh đối với người và phương tiện đến từ vùng dịch bệnh

truyền nhiễm, phát hiện động vật, côn trùng mang bệnh liên quan đến sức khỏe con người.

- Ngoài các quy định chung như đã nêu, Trung Quốc còn ban hành các quy định cụ thể cho từng loại hàng hóa theo danh mục của cơ quan hải quan.

Hệ thống Tiêu chuẩn của Trung Quốc [7]

Cục Tiêu chuẩn Trung Quốc (SAC) là cơ quan trung ương có trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động liên quan đến việc phát triển và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc. Cục Công nhận và Chứng nhận quốc gia Trung Quốc (CNCA) thực hiện chứng nhận bắt buộc và kiểm định, bao gồm cả hệ thống Chứng nhận bắt buộc của Trung Quốc. Cả SAC và CNCA là những cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Tổng cục Kiểm dịch, Đo lường và Quản lý chất lượng Trung Quốc (AQSIQ). Các tiêu chuẩn của Trung Quốc chia thành ít nhất bốn nhóm chính: tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương hoặc khu vực và tiêu chuẩn doanh nghiệp của các công ty.[⁸]

Tiêu chuẩn Quốc gia của Trung Quốc được ký hiệu là GB và có 3 loại tiêu chuẩn quốc gia là: GB (Tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc áp dụng), GB/T (Tiêu chuẩn quốc gia tự nguyện áp dụng (không bắt buộc)), GB/Z (Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật quốc gia). Có khoảng 15% trong tổng số tiêu chuẩn của Trung Quốc là bắt buộc áp dụng.

Tiêu chuẩn chuyên ngành (tiêu chuẩn ngành công nghiệp của Trung Quốc) được xây dựng và áp dụng khi không có tiêu chuẩn quốc gia và được ký hiệu theo các lĩnh vực chuyên ngành (có hai loại: bắt buộc và tự nguyện). Ký hiệu của tiêu chuẩn chuyên ngành tự nguyện có thêm chữ cái T ở sau.

Tiêu chuẩn địa phương được xây dựng khi không có tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn chuyên ngành. Ký hiệu của tiêu chuẩn địa phương bắt buộc gồm DB + *, còn tự nguyện áp dụng là DB+*/T, trong đó dấu * là mã số của các tỉnh của Trung Quốc theo tiêu chuẩn GB 2260/T.

Tiêu chuẩn doanh nghiệp có thể được xây dựng hoặc sử dụng khi không có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn chuyên ngành hoặc tiêu chuẩn địa phương. Tuy nhiên, Trung Quốc khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn chuyên ngành hoặc tiêu chuẩn địa phương tự nguyện áp dụng, nếu có. Ký hiệu của tiêu chuẩn doanh nghiệp Trung Quốc như sau Q+ *, trong đó dấu * là mã số doanh nghiệp.

Hoạt động kiểm tra, chứng nhận hàng nhập khẩu vào Trung Quốc

Hàng hóa nhập khẩu vào Trung Quốc phải trải qua các hoạt động kiểm tra, chứng nhận. Đối với hàng nhập khẩu vào Trung Quốc cần có các loại giấy chứng nhận chất lượng sau:

Thứ nhất là Chứng nhận bắt buộc phù hợp tiêu chuẩn của Trung Quốc (Dấu CCC). Đây là chứng nhận bắt buộc đối với các sản phẩm thuộc danh mục quy định trước khi xuất khẩu hoặc bán tại thị trường Trung Quốc, chủ yếu bao gồm các sản phẩm kỹ thuật điện như dây, cáp điện, cầu dao - công tắc điện, cầu chì, tủ điện, dụng cụ điện, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị công nghệ thông tin... và các sản phẩm khác như động cơ xe máy, xe máy, mũ bảo hiểm cho người đi xe máy...

Thứ hai là Chứng nhận kiểm tra kiểm dịch CIQ đối với thực phẩm và thực vật, động vật. AQSIQ đã thành lập 35 Cục Kiểm tra và kiểm dịch xuất nhập khẩu (CIQ) tại 31 tỉnh của Trung Quốc, với 300 chi nhánh và hơn 200 văn phòng địa phương trên cả nước để thực thi việc kiểm tra, kiểm dịch hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thứ ba là Giấy chứng nhận đăng ký CFDA đối với thuốc và trang thiết bị y tế. Theo đó, Cơ quan Dược phẩm và Thực phẩm Nhà nước Trung Quốc (SFDA) ban hành quy định và giám sát an toàn thực, dược phẩm, các thiết bị y tế và mỹ phẩm khi nhập khẩu vào Trung Quốc. Các sản phẩm nói trên phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký do Cơ quan quản lý dược phẩm quốc gia (SDA) thuộc CFDA cấp mới được nhập khẩu vào Trung Quốc qua một số cửa khẩu nhất định.

Tiếp theo là Nhãn năng lượng CEL. Trung Quốc quy định các sản phẩm như động cơ, điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, máy giặt, ấm đun nước, máy photocopy, máy nén khí, tivi phải được dán nhãn tiết kiệm năng lượng khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng là đăng ký, chứng nhận các sản phẩm khác. Các phế thải như phế thải kim loại, nhựa, giấy, điện-điện tử, dệt may trước khi nhập khẩu vào Trung Quốc phải đăng ký và được AQSIQ cấp giấy đăng ký. Các thiết bị viễn thông phải có “Giấy phép Truy cập Hệ thống” (The “Network Access License”) do Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin (MIIT) thực hiện mới được lưu thông trên thị trường Trung Quốc. Phần cứng và phần mềm sử dụng để mã hóa và bảo mật dữ liệu yêu cầu phải có giấy chứng nhận phần mềm trước khi được lưu thông trên thị trường Trung Quốc.

Quy định bao gói và nhãn mác

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại thị trường Trung Quốc còn quy định bao gói và nhãn mác. Trong quy định bao gói, bao gồm những ký hiệu khả năng tái chế của vật liệu bao gói, quy định của Trung Quốc về ký hiệu chất liệu bao gói...

Trong quy định ghi nhãn mác, nhãn mác của Trung Quốc rất đa dạng phụ thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu. Tất cả các sản phẩm đều phải sử dụng nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc. Nhãn mác tiếng Trung Quốc phải được in và dán trên kiện hàng trước khi đến cảng đến của Trung Quốc.

3.2. Rào cản kỹ thuật tại Hoa Kỳ

Tiêu chuẩn sản phẩm

Thị trường Mỹ khuyến khích hàng hóa nhập khẩu và hàng nội địa đáp ứng được một số tiêu chuẩn nhất định. Các điều luật (Hiệp định thương mại năm 1979) đều hướng tới: Nhà nước, doanh nghiệp cần tham khảo các quy chuẩn quốc tế, đặc biệt là các tiêu chí về an ninh quốc gia, chống gian lận, bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người dân, bảo vệ động thực vật và môi trường, các nhân tố khí hậu và địa lý, những nguyên tắc kỹ thuật để đưa ra các tiêu chuẩn thích hợp trước khi đem triển khai thực hiện; khuyến khích các cá nhân/tổ chức cùng tham gia thực hiện các quy chuẩn quốc tế.

Hoa Kỳ sử dụng nhiều biện pháp kiểm định đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu. Thông thường quá trình đánh giá dựa vào các giấy tờ kê khai thông tin về hàng hóa từ phía nhà sản xuất hoặc thông qua các bộ phận kiểm định và chứng nhận. Theo yêu cầu của cơ quan điều hành, các bộ phận này chịu trách nhiệm hoàn tất nốt các thủ tục đánh giá tiêu chuẩn hàng hóa (không bao gồm nguồn gốc địa lý) theo hệ thống kiểm định Mỹ. Chính phủ liên bang hoặc các cơ quan liên bang có thể trực tiếp tham gia vào quy trình đánh giá này.

Các biện pháp về vệ sinh và an toàn thực phẩm

Việc thiết lập hệ thống các biện pháp về vệ sinh và an toàn thực phẩm được quản lý bởi các bộ luật về mỹ phẩm, dược liệu và thực phẩm liên bang, bộ luật về dịch vụ y tế công cộng, bộ luật bảo vệ chất lượng lương thực, bộ luật bảo vệ sức khỏe động vật, bộ luật về quản lý thuốc diệt nấm và thuốc diệt chuột và bộ luật về quản lý các loại hợp chất độc hại.

Ở Mỹ có 4 cơ quan cùng chia sẻ trách nhiệm thực thi những luật này: Cơ quan Quản lý dược và thực phẩm (FDA) thuộc Cục Quản lý dịch vụ sức khỏe con người, Cơ quan Thanh tra và an toàn thực phẩm (FSIS) và Cơ quan Thanh tra độ an toàn, sức khỏe động, thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp; và Cục Bảo vệ môi trường (EPA).

- Cơ quan Thanh tra độ an toàn, sức khỏe thực vật, động vật (APHIS) có nhiệm vụ đề ra những quy định về nhập khẩu rau quả, động vật và các sản phẩm có nguồn gốc tương tự vào lãnh thổ Mỹ; xây dựng và phát triển các quy tắc trong nhập khẩu dựa trên những phân tích về nguy cơ, trong đó đặc biệt chú trọng các chi tiết về sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ; đồng thời cũng đưa ra các hướng dẫn về đánh giá nguy cơ bệnh dịch trong nhập khẩu động vật và các sản phẩm từ động vật. Nhìn chung, việc nhập khẩu rau quả, động vật và các sản phẩm có nguồn gốc tương tự phải có sự đồng ý của APHIS. Sự chấp thuận này sẽ tạo điều kiện cơ bản cho hàng hóa được nhập thị trường Mỹ. Các nhà nhập khẩu phải đệ trình một bản xin cấp phép trực tuyến qua Hệ thống ủy quyền nhập khẩu. Các nhà nhập khẩu cũng sẽ sử dụng hệ thống này để kiểm tra bản xin cấp phép trước đó và thông báo những thay đổi nếu có.

- Cơ quan Thanh tra và an toàn thực phẩm FSIS chịu trách nhiệm riêng về độ an toàn của các loại thịt gia súc, gia cầm, trứng và các sản phẩm có nguồn gốc tương tự. Thịt gia súc, gia cầm và trứng được nhập khẩu vào Mỹ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm của Mỹ. Bên cạnh đó, FSIS còn đánh giá hệ thống tiêu chuẩn chất lượng về thịt gia súc, gia cầm, trứng của quốc gia xuất khẩu này có giống như Mỹ không. Cuối cùng, FSIS sẽ bao quát lại các quy định, luật pháp sao cho hợp lý và sau đó kiểm định lại toàn bộ; nếu hệ thống chất lượng của quốc gia này được đánh giá tương xứng với Mỹ thì sẽ được chính phủ nước này cho phép nhập khẩu. Ngoài ra, FSIS còn thực hiện đánh giá hệ thống chất lượng thịt gia súc, gia cầm của các nước khác và giữa các nước.

Quá trình tương tự được sử dụng để đánh giá hệ thống kiểm định sản phẩm từ trứng của một nước. Để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, các sản phẩm từ thịt, gia cầm nhập khẩu cũng như hệ thống kiểm dịch được kiểm tra định kỳ. Mỹ đã thừa nhận 34 hệ thống kiểm dịch nước ngoài là đạt tiêu chuẩn. Chỉ các sản phẩm thịt,

gia cầm, trứng từ các cơ sở đã được chứng nhận bởi dịch vụ kiểm định của FSIS mới được thừa nhận và nhập khẩu vào Mỹ.

Các quy định về nhãn mác hàng hóa

Luật Hải quan Hoa Kỳ quy định mọi hàng hóa nước ngoài khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải ghi rõ một nhãn hàng bằng tiếng Anh. Nhãn hàng bao gồm chữ hoặc biểu tượng hoặc có thể là sự kết hợp của nhiều yếu tố khác thể hiện nguồn gốc của sản phẩm. Nhãn hàng phải được ghi đầy đủ, rõ ràng ở vị trí dễ thấy và phải bền như chính tuổi thọ của sản phẩm sao cho người tiêu dùng cuối cùng có thể biết tên nước, nơi hàng hóa được sản xuất. Ngoài yêu cầu về ghi nước xuất xứ của hàng hóa, một số mặt hàng đòi hỏi phải có những dấu hiệu đặc biệt theo quy định của các cơ quan quản lý như chữ không phai, chữ nổi, chữ lõm.

3.3. Rào cản kỹ thuật tại EU

Quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm

EU đang bắt đầu quá trình đồng nhất các tiêu chuẩn trong việc ban hành pháp luật về đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. EU đã, đang và sẽ đưa ra những yêu cầu tối thiểu, được áp dụng trong toàn khối; còn mỗi nước thành viên được phép bổ sung yêu cầu đối với nền sản xuất của mình. Tuy nhiên, bất cứ sản phẩm nào đáp ứng được yêu cầu tối thiểu đều được phép chuyên dịch tự do trong nội bộ EU. Các sản phẩm tiêu thụ trên thị trường EU phải đạt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000-2000. Như vậy hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000-2000 là yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp sản xuất muốn xuất hàng hóa sang thị trường EU.

Các quy định về môi trường

Chính sách môi trường của EU dựa trên các Hiệp định quốc tế, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững hơn trên phạm vi toàn cầu bằng cách tạo ra sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Chương trình của EU nhấn mạnh việc xử lý nguyên nhân gốc rễ của vấn đề môi trường, chứ không phải đối phó với rắc rối khi chúng xảy ra. Danh sách sản phẩm chịu tác động của các quy định bắt nguồn từ chính sách về môi trường và ý thức của người tiêu dùng bao gồm: dệt may, thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến, dược phẩm, đồ da, sản phẩm gỗ, cơ khí, khoáng sản...

Trong đó, chính sách đề cập các vấn đề nhạy cảm như hàm lượng chất phụ gia, bao bì, hóa chất, ô nhiễm nước và không khí, cạn kiệt nguồn tài nguyên không thể tái sinh.

Quy định về môi trường của EU rất nghiêm ngặt. Có thể nói, hệ thống quy định và tiêu chuẩn môi trường của EU đối với hàng hóa là hoàn chỉnh hơn cả, rất chặt chẽ, khó thực hiện. Người tiêu dùng EU có nhu cầu ngày càng cao đối với các sản phẩm sạch, bảo vệ môi trường

Hiện EU đang thực hiện Chương trình *Nhãn sinh thái (Eco-Label)*, nhằm mục tiêu phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường. Mục đích của chương trình này nhằm mang lại cho khách hàng sự lựa chọn khi mua các sản phẩm được thiết kế, sản xuất, đóng gói bao bì có thể được hủy bỏ khi kết thúc vòng đời theo cách không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các chương trình Nhãn sinh thái tại EU bao gồm:

- *Nhãn cho sản phẩm vô cơ*: gồm 14 nhóm sản phẩm như bột giặt, bóng điện, máy giặt, giấy copy, tủ lạnh, giày dép, máy tính cá nhân, giấy ăn, máy rửa bát, máy làm màu đất, nệm trải giường, sơn và vecni, sản phẩm dệt, nước rửa bát. Các nhà sản xuất, nhập khẩu sử dụng dấu xác nhận Tiêu chuẩn Môi trường châu Âu trên cơ sở tình nguyện. Chi phí trả cho việc được sử dụng Nhãn sinh thái châu Âu phụ thuộc vào doanh thu của sản phẩm đối với doanh nghiệp nhập khẩu hay sản xuất sản phẩm đó và có thể thay đổi ở các quốc gia thành viên.

- *Nhãn cho thực phẩm có nguồn gốc hữu cơ*: thuộc Chương trình Nhãn thực phẩm có nguồn gốc hữu cơ, được áp dụng cho nông thủy sản được sản xuất trong khối EU và nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Nhãn thực phẩm có nguồn gốc hữu cơ cấp cho sản phẩm không sử dụng hóa học tổng hợp, hạn chế tối đa sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường sử dụng phân vi sinh nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường (chống thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí và gìn giữ sự trong lành của vùng nông thôn).

Sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo phương pháp hữu cơ (phương pháp sản xuất sạch) là những sản phẩm có tính bảo vệ môi trường cao, thân thiện với môi trường; các loại phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật được hạn chế sử dụng tối đa; tăng cường sử dụng phân vi sinh và thuốc trừ sâu hữu cơ.

Tuy hiện nay chưa có nhãn chung cho các sản phẩm được sản xuất theo phương pháp hữu cơ nhưng các quốc gia thành viên có các dấu hiệu khác nhau; Ủy ban

Châu Âu đã có quy định cụ thể về dán nhãn cho các sản phẩm sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

- *Chiến dịch quần áo sạch (Clean Clothes Campaign-CCC)* hướng tới việc cải thiện điều kiện làm việc trong ngành may mặc trên phạm vi toàn cầu. Qua chiến dịch này, người tiêu dùng EU đã nâng cao được nhận thức, tạo áp lực buộc các Công ty áp dụng ngay các tiêu chuẩn về hành vi ứng xử tốt, trong đó bao gồm các điều khoản cấm sử dụng lao động trẻ em và cải thiện điều kiện lao động. Các doanh nghiệp phải chú ý đến đạo đức kinh doanh hoặc tuân thủ các yêu cầu theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội hay thương mại bình đẳng. Bởi vậy, doanh nghiệp không chỉ bị đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng hay giá cả sản phẩm mà còn theo mức độ tác động đối với xã hội.

Quy định kiểm dịch đối với nông sản bao gồm quy định về kiểm tra thú y với thịt gia súc, gia cầm, thủy sản; liên quan gián tiếp đến môi trường do một số khâu trong quy trình nuôi trồng, chế biến có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Quy định về hàm lượng thuốc trừ sâu tối đa trong sản phẩm mục đích là bảo vệ môi trường, vì sức khỏe cộng đồng. Quy định này không chỉ bảo vệ sức khỏe con người ở nước sản xuất mà còn bảo vệ người tiêu dùng ở thị trường nhập khẩu.

Các quy định đối với bao bì, phế thải bao bì sản phẩm ban hành nhiều quy định về quản lý bao bì và phế thải, áp dụng chung cho cả hàng sản xuất nội địa và hàng nhập khẩu. Cụ thể như: phải có thể tích, số lượng, trọng lượng nhỏ nhất; chất liệu phải tái sử dụng hoặc phục hồi, tái chế có mức độ ảnh hưởng thấp nhất đến môi trường; không được khó tiêu hủy, giảm thiểu chất độc khi trở thành phế thải; quá trình SX phải bảo đảm sức khỏe, an toàn cho người lao động...

1.1. Rào cản kỹ thuật tại Nhật Bản

Nhật Bản là thị trường luôn đòi hỏi khắt khe về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tiêu chuẩn chất lượng và độ an toàn của hàng hóa tại thị trường Nhật Bản thường cao hơn và chặt chẽ hơn so với yêu cầu thông thường và tiêu chuẩn quốc tế. Người tiêu dùng nước này có thói quen đưa ra quyết định mua hàng dựa vào dấu chất lượng trên bao bì, vì họ coi đó là sự đảm bảo độ tin cậy về chất lượng hàng hóa.

Các doanh nghiệp làm việc với đối tác Nhật Bản cho biết, để xuất khẩu thành công sang thị trường Nhật, các yếu tố quan trọng hàng đầu là phải tỉ mỉ, quan tâm đến từng chi tiết nhỏ nhất của sản phẩm, bảo đảm chất lượng sản phẩm và giao hàng đúng

thời gian. Cụ thể, quốc gia này đã có những quy định, những đạo luật ngày càng nghiêm ngặt để đảm bảo các nguồn cung ứng sản phẩm an toàn và làm rõ các mối quan tâm của khách hàng.

Tại Nhật Bản hiện nay, hệ thống dấu chất lượng gồm nhiều loại, quy định cho nhiều loại hàng hóa khác nhau, nhưng có 2 dấu chứng nhận được sử dụng phổ biến nhất là *Dấu chứng nhận công nghiệp Nhật Bản (JIS)* và *Dấu chứng nhận nông nghiệp Nhật Bản (JAS)*.

- *Dấu chứng nhận công nghiệp Nhật Bản (JIS)* được áp dụng cho tất cả sản phẩm công nghiệp và khoáng sản, trừ những sản phẩm được áp dụng các tiêu chuẩn chuyên ngành như dược phẩm, phân hóa học, sợi tơ tằm, thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp khác được quy định trong Luật về Tiêu chuẩn hóa và dán nhãn các nông lâm sản.

- *Dấu chứng nhận tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS)* gồm các sản phẩm đồ uống, thực phẩm chế biến, dầu ăn và mỡ, các nông lâm thủy sản chế biến (được quy định bởi Luật Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản – luật JAS). Các tiêu chuẩn JAS bao quát cả sản phẩm được sản xuất trong nước và các sản phẩm nhập khẩu. Các nhà sản xuất muốn được dán nhãn chất lượng JAS lên các sản phẩm của họ thì phải thông qua tổ chức giám định để đánh giá chất lượng của hàng hóa đó.

- *Các dấu chứng nhận chất lượng khác*: ngoài ra ở Nhật Bản còn có nhiều loại dấu chứng nhận chất lượng khác được sử dụng như:

+ Dấu Q: phản ánh chất lượng và đo độ đồng nhất của sản phẩm (thường dùng cho hàng dệt may, quần áo, khăn trải giường);

+ Dấu G: phản ánh chất lượng thiết kế, dịch vụ sau khi bán hàng (dùng cho các sản phẩm như máy ảnh, đồ thủy tinh, thiết bị, đồ văn phòng, đồ gốm, sản phẩm nội thất)

+ Dấu S: phản ánh độ an toàn (có tính bắt buộc), thường sử dụng cho các sản phẩm là hàng hóa dành cho trẻ em, đồ dùng gia dụng, dụng cụ thể thao;

+ Dấu SG: phản ánh độ an toàn (có tính bắt buộc), thường dùng cho các sản phẩm xe đạp đi, xe đẩy, nồi áp suất, mũ đi xe đạp, mũ bóng chày...

+ Dấu SIF: phản ánh hàng may mặc có chất lượng tốt, dùng cho hàng may mặc như quần áo nam nữ, áo khoác, ba lô và các sản phẩm phục vụ cho thể thao.

+ Dấu Len: phản ánh hàng may mặc có chất lượng tốt, dùng cho sản phẩm sợi len, quần áo len nguyên chất, đồ len đan, thảm, hàng dệt kim có trên 99,7% len mới.

- Ngoài ra, Cục Môi trường Nhật Bản khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm không làm hại môi trường sinh thái (sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập khẩu). Các sản phẩm sẽ được cấp dấu “Ecomark” nếu đảm bảo một trong các tiêu chuẩn như: sử dụng sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường/mang lại nhiều lợi ích cho môi trường; chất thải sau khi sử dụng không gây hại/gây hại ít; sản phẩm đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường theo các cách không được đề cập ở trên.

Có thể nói, ở Nhật Bản có nhiều đầu chất lượng khác nhau; một số do cơ quan Chính phủ đặt ra, một số do các tổ chức giám định đặt ra. Các tiêu chuẩn mang tính hành chính – kỹ thuật do Nhật Bản đề ra là khá cao. Bởi vậy nếu hàng hóa đáp ứng được các tiêu chuẩn Nhật Bản hoàn toàn có khả năng cạnh tranh ở các thị trường khác.

Các quy định về kiểm dịch động thực vật: Luật vệ sinh thực phẩm và Luật chống các bệnh truyền nhiễm, Luật kiểm dịch thực vật.

III. TÁC ĐỘNG CỦA RÀO CẢN KỸ THUẬT TỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP.

1. Tác động của rào cản kỹ thuật tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam

Thúc đẩy thương mại quốc tế giúp Việt Nam mở rộng khả năng sản xuất, khả năng tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang gặp phải những rào cản kỹ thuật gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất nhập khẩu.

Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu, nhóm nghiên cứu xin nêu một số tác động của rào cản kỹ thuật ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đối với một số mặt hàng chủ lực, xuất sang các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản.

1.1. Đối với hàng dệt may

Ngành dệt may là một trong bốn nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vì đã tận dụng được lợi thế tương đối về nhân công giá rẻ; trong các thị trường xuất khẩu hàng dệt may, Hoa Kỳ và EU là thị trường quan trọng nhất.

Khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ, các doanh nghiệp Việt Nam thường chú tâm đến hạn ngạch mà ít quan tâm đến chất lượng và các quy định khác của Hoa Kỳ. Nguyên

nhân là do: hàng Việt Nam vào Hoa Kỳ đều là gia công hoặc xuất qua nước thứ ba (chiếm 70% giá trị); người đặt hàng thường đánh giá trước về khả năng đáp ứng đơn hàng của doanh nghiệp Việt Nam do có những trường hợp nhận được đơn hàng rồi bị hủy vì không đáp ứng được TBT của Hoa Kỳ.

Hiện hàng dệt may Việt Nam đang phải đối mặt với những vấn đề về TBT của Hoa Kỳ và EU như:

- Hệ thống ISO 9000: đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu phải đầu tư về cơ sở vật chất – kỹ thuật cùng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực và đảm bảo chất lượng sản phẩm; cả nước mới có khoảng 30 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn Iso 9000 (may 10, Việt Thắng, Thăng Long, Nhà Bè...), 7 doanh nghiệp đạt Iso 14000, 5 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn SA 8000 và không có doanh nghiệp nào đáp ứng cả ba tiêu chuẩn trên;

- Hoa Kỳ yêu cầu rất gắt gao về nguồn nguyên liệu hàng dệt may, phải trình được các xuất xứ rõ ràng về chất lượng, về nguồn gốc của nguyên liệu.

- Quy định đảm bảo không gây tác hại xấu đối với môi trường. Nhiều lô hàng của Việt Nam không hợp quy cách và bị yêu cầu tái chế chủ yếu liên quan tới vấn đề nhãn mác không phù hợp.

1.2. Đối với mặt hàng giày dép

Khả năng đáp ứng để vượt qua rào cản kỹ thuật của thị trường Hoa Kỳ và EU của mặt hàng giày dép thậm chí còn kém hơn mặt hàng dệt may. Hiện nay, Hoa Kỳ, EU chỉ ký hợp đồng nhập hàng giày dép trực tiếp với các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, còn các doanh nghiệp trong nước thì đa phần chỉ thực hiện gia công lại. Nguyên nhân do quy mô của doanh nghiệp không đáp ứng được những đơn hàng lớn của Hoa Kỳ, EU và không đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và các yêu cầu về trách nhiệm đối với xã hội và quản lý môi trường.

Vật liệu sản xuất, đặc biệt là da hoặc nhựa có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến trước hết là người sản xuất và sau đó là người tiêu dùng; song các doanh nghiệp hiện nay bị phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu, khó khăn trong kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, ảnh hưởng đến chất lượng thành phẩm.

Các doanh nghiệp chưa xác định các rủi ro về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động của mình để đề ra những biện pháp kiểm soát và phòng ngừa có thể. Các biện pháp mang tính chuyên môn cao áp dụng cho việc kiểm soát an toàn vệ sinh lao động

cho hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp da giấy nói riêng.

Hoạt động quản lý môi trường cũng chưa được các doanh nghiệp sản xuất giấy da chú ý thích đáng. Các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động liên quan đến môi trường chủ yếu là đáp ứng các yêu cầu pháp lý hoặc các yêu cầu khác mang tính bắt buộc từ phía các cơ quan quản lý nhà nước. Trong doanh nghiệp cũng chưa có hệ thống quản lý môi trường thống nhất và cũng không có bộ phận chuyên trách về các vấn đề môi trường. Nhiều doanh nghiệp còn chưa quan tâm hoặc chưa biết các hệ thống quản lý này. Trong khi đó, nếu không có chứng chỉ về SA 8000, ISO 9000, ISO 14000 do bên thứ ba cấp thì các công ty Hoa Kỳ, EU sẽ trực tiếp khảo sát nhà xưởng, môi trường và điều kiện làm việc của người lao động có được chú trọng hay không. Chính vì các yêu cầu này, các doanh nghiệp rất khó khăn chen chân trực tiếp vào thị trường Hoa Kỳ.

1.3. Đối với mặt hàng nông sản

Nông sản là một trong những mặt hàng chịu sự kiểm soát gắt gao nhất của FDA vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng. Thực tế, nói chung hàng nông sản Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Một trong những nguyên nhân là nông sản nước ta chủ yếu được sản xuất từ những cánh đồng trồng trọt phân tán, diện tích, sản lượng hạn chế và được gieo trồng bằng nhiều nguồn giống khác nhau, chất lượng giống chưa cao, dẫn đến độ đồng đều của nông sản chưa cao, chất lượng nông sản xuất khẩu cũng bị hạn chế. Một nguyên nhân khác là phần lớn nông sản xuất khẩu ở dạng thô và trình độ bảo quản nông sản còn thấp; thấp theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trái cây, rau quả hay những mặt hàng nông sản khi xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ và EU đều vướng vào các quy định như sau:

- Quy định về ISO 9000 và ISO 14000 liên quan đến quy định an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhiều lô hàng nông sản thực phẩm khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ bị giữ lại ở các cảng và trung tâm khử trùng của Hoa Kỳ. Trái cây thường bị nhiễm khuẩn, còn những mặt hàng nông sản khác lại có hàm lượng vi sinh vượt mức cho phép. Mặt khác, Việt Nam và Hoa Kỳ chưa ký kết Hiệp định kiểm dịch động thực vật, do đó, nông sản vào Hoa Kỳ gặp rất nhiều khó khăn do không có cơ chế pháp lý bảo vệ. Hơn thế nữa, nếu một lô hàng bị giữ lại thì hải quan Hoa Kỳ sẽ thông báo trên toàn liên

bang tên của doanh nghiệp đã vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm và những lô hàng sau sẽ bị kiểm tra gắt gao, kỹ càng hơn mức cần thiết.

- Vấn đề nhân sinh thái cũng là vấn đề mới đối với doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sang thị trường Hoa Kỳ. Rất ít doanh nghiệp Việt Nam đều chưa đăng ký nhân sinh thái đối với hàng hóa xuất vào thị trường Hoa Kỳ.

- Các mặt hàng nông sản xuất khẩu vào Hoa Kỳ cần thiết phải có chứng nhận HACCP thì mới được người tiêu dùng Mỹ chấp nhận.

- Dư lượng chất kháng sinh, thuốc tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật là vấn đề còn nhiều bàn cãi trong chất lượng hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

- Thuốc biến đổi gen cũng là một trong những yêu cầu kiểm tra gắt gao của Hoa Kỳ đối với hàng hóa nông sản nhập khẩu.

2. Các tiêu chuẩn kỹ thuật cần phải đạt được đối với hàng xuất khẩu Việt Nam

2.1. Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, an toàn vệ sinh dịch tễ

Đây là một rào cản rất khó vượt qua đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó khó khăn và hạn chế lớn nhất hiện nay là việc đối phó với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với ba nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực gồm: hàng dệt may, hàng da giày và hàng thủy hải sản sang thị trường Mỹ, Nhật Bản và EU.

Hàng dệt may và da giày xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam sang thị trường Mỹ phải đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng chứng chỉ ISO 9000, tiêu chuẩn chống cháy, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và hệ thống tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội (SA8000). Tiêu chuẩn WRAP – trách nhiệm sản xuất hàng dệt may toàn cầu với yêu cầu cao về việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn cho người sử dụng. Hàng thủy hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Mỹ và EU cũng phải đối mặt với các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hết sức khắt khe như HACCP, biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật SPS.

Rào cản kỹ thuật này đã làm cho nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam bỏ dần thị trường truyền thống giá cao như Mỹ, Nhật, EU để tập trung mở rộng xuất khẩu sang thị trường dễ tính hơn ở các nước ASEAN, Brazil, Trung Quốc...

2.2. Các tiêu chuẩn chế biến và sản xuất theo quy định môi trường

Hiện nay hầu hết sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường khó tính như Mỹ, EU... đều phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sinh thái theo quy định, an toàn

về sức khỏe đối với người sử dụng và không gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất. Chính điều này đã gây khó khăn lớn trong hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp vì việc áp dụng những tiêu chuẩn này ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, tăng giá thành và do đó tác động đến sức cạnh tranh của sản phẩm. Đây là những hic phí rất lớn, thêm vào đó là pháp luật của Việt Nam còn đang rất lỏng lẻo trong các quy định xử phạt vi phạm môi trường

2.3. Các yêu cầu về nhãn mác

Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang gặp khó khăn về yêu cầu nhãn mác đối với sản phẩm xuất khẩu mà các thị trường nhập khẩu khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản đưa ra đặc biệt là mặt hàng thực phẩm và thủy hải sản phải ghi rõ nhãn đầy đủ theo danh mục do cơ quan chức năng đưa ra bao gồm: phải có nhãn dán phía bên ngoài, nơi dễ nhìn thấy nhất trên các thùng chứa hoặc bao bì, nội dung trên nhãn bao gồm: tên sản phẩm, xuất xứ, nơi sản xuất, hạn sử dụng, sản phẩm sử dụng có thể ăn sống hay không, phương pháp bảo quản, khối lượng, mã số, mã vạch, thành phần, giá trị dinh dưỡng. Trong khi đó phần lớn hàng hóa xuất khẩu của Việt nam đều chưa đạt các yêu cầu về nhãn mác một cách đầy đủ. Các mặt hàng sản xuất trong nước đều thiếu thời hạn bảo quản, nguồn gốc xuất xứ, thời gian sản xuất, thời gian sử dụng....

2.4. Các yêu cầu về đóng gói bao bì

Hiện nay, thị trường các nước phát triển là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam đều đưa ra những quy định chặt chẽ về yêu cầu đóng gói bao bì sản phẩm như: Chất liệu bao bì đóng gói giới hạn trong một số chất cho phép, có thể tái sinh và tái sử dụng, bao bì nhựa phải đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm... EU đã ban hành một danh sách các loại bao bì nhựa được phép sử dụng, trong đó hơn một nửa loại vật liệu làm bao bì các nước đang phát triển không sản xuất được. hàng hóa ở Việt Nam thường được đóng gói bằng các loại bao bì vô cơ, khó phân hủy trong tự nhiên, ít có khả năng tái chế, gây ảnh hưởng lớn tới môi trường xung quanh, còn nhập khẩu bao bì từ các nước phát triển thì chi phí cao sẽ đẩy giá thành sản phẩm lên và giảm sức cạnh tranh của sản phẩm. Do đó, đây là một rào cản lớn trong hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam

1.1. Phí môi trường

Mặc dù Việt Nam đã áp dụng quy định về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp nhưng do việc ban hành các quy định hướng dẫn còn chưa cụ thể

cũng như quá trình kiểm tra giám sát để thu phí rác thải vẫn còn chưa chặt chẽ nên việc triệu khai thu phí môi trường vẫn chưa đạt kết quả tốt. Vì thế không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam vẫn còn vi phạm trong việc xả phí thải gây ô nhiễm môi trường, từ đó ảnh hưởng không nhỏ tới việc xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang các thị trường khó tính trên thế giới

2.5. Nhân sinh thái

Trong khi các thị trường khó tính yêu cầu ngày càng cao về các sản phẩm “sạch” và “xanh” để hướng tới việc bảo vệ môi trường thì các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa chú trọng việc xây dựng các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, do điều kiện khoa học kỹ thuật còn hạn chế và nhận thức của các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi vào các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản...

Những rào cản kỹ thuật khắt khe từ các nước nhập khẩu đang là thách thức lớn đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Do doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế về trình độ tay nghề của người lao động và khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, phần lớn nguyên liệu đều phải nhập khẩu, phụ thuộc vào thị trường nước ngoài làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh – xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác, khả năng kiểm định, giám định sản phẩm còn hạn chế và giá thành kiểm định, giám định cao khiến cho sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc vượt qua các rào cản kỹ thuật. Thêm vào đó, những quy định khắt khe để bảo vệ hệ nền sản xuất trong nước mà các nước nhập khẩu đưa ra ngày một tinh vi và luôn được thay đổi, bổ sung.

3. Một số giải pháp để Việt Nam vượt rào cản kỹ thuật trong TMQT

3.1. Đối với nhà nước

3.1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý liên quan

- Tiếp tục rà soát, ban hành và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật phù hợp với các định chế quốc tế. Cần sớm rà soát lại hệ thống luật để điều chỉnh các quy định không còn phù hợp hoặc chưa được rõ, để phạm vi điều chỉnh luật của Việt Nam phù hợp với các quy định của WTO, với các nguyên tắc cơ bản trong thương mại quốc tế như Tối huệ quốc (MFN) và Đối xử quốc gia (NT). Tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn dưới luật để điều chỉnh các quan hệ kinh tế mới phát sinh như: Luật cạnh tranh và chống độc quyền, Luật Chống phá giá và Chống trợ cấp, Luật

Phòng vệ khẩn cấp, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng hàng hóa...

- Hải hòa hóa, tổ chức xây dựng và hoàn thiện lại hệ thống tiêu chuẩn chất lượng quốc gia; hải hòa các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia với các tiêu chuẩn quốc tế trong điều kiện quốc tế hóa nền kinh tế thế giới như là một xu hướng tất yếu.

- Nhà nước cần xây dựng hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng chặt chẽ để đảm bảo đưa được những sản phẩm tốt nhất, an toàn nhất tới người tiêu dùng.

- Mở rộng hiệu quả của truyền thông, tuyên truyền đối với công tác phổ biến, khuyến khích và quản lý việc áp dụng các tiêu chuẩn.

- Tổ chức xây dựng và củng cố lại hệ thống tiêu chuẩn môi trường; pháp luật môi trường. Nội dung Luật cần sửa đổi và tập trung nhiều vào các khoản quy định về: tiêu chuẩn môi trường, phòng ngừa và hạn chế chất lượng xấu đối với môi trường, quản lý và nâng cao chất lượng môi trường, sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường. Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện, bổ sung những nội dung mới, những văn bản hướng dẫn cụ thể hơn, áp dụng một số biện pháp cụ thể như: hạn ngạch/giấy phép môi trường có thể trao đổi được; đặt cọc phí tái chế đối với một số loại sản phẩm (ví dụ các loại vỏ đồ hộp); các biện pháp kiểm dịch động thực vật và các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật đối với sản phẩm; các yêu cầu về bao gói (hiện nay chưa có); các yêu cầu về hàm lượng nguyên liệu được tái chế;

- Xây dựng quy trình cấp nhãn sinh thái, nhãn hàng hóa. Nhà nước cần sớm đưa ra quy trình cấp nhãn sinh thái, nhằm hướng tới sự thống nhất tổ chức hoạt động và tạo thuận lợi cho các bên liên quan (nhà nước, hiệp hội và doanh nghiệp). Nhà nước cũng cần sớm soạn thảo và ban hành chương trình cấp nhãn sinh thái quốc gia, trong đó cần quy định rõ các nội dung như: sản phẩm/nhóm sản phẩm; tiêu chí; quy trình và thủ tục đăng ký cấp chứng nhận nhãn sinh thái; tính công khai và tư vấn chương trình.

3.1.2. Thống nhất quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu và quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật

- Ban hành danh mục quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu được quản lý theo cơ quan chuyên ngành, hướng dẫn doanh nghiệp nắm chắc được quy trình quản lý;

- Thống nhất đầu mối quản lý nhà nước khi xuất nhập khẩu, giảm nhẹ thủ tục hành chính cho doanh nghiệp khi xuất khẩu một mặt hàng do hàng hóa chứa nhiều tiêu chuẩn kỹ thuật khác nhau; tránh tình trạng muốn xuất khẩu được một mặt hàng nằm

trong danh mục quản lý của ngành này thì còn phải xin giấy phép con ở nhiều bộ phận thuộc ngành khác.

- Quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật cần chú ý tới nguyên tắc đối xử quốc gia; chỉ khi chúng ta có những quy định và thực hiện nghiêm túc đối với hàng tiêu dùng trong nước, với hàng xuất khẩu thì mới áp dụng được với hàng nhập khẩu.

3.1.3. Nâng cao vai trò của văn phòng TBT

- Ngoài việc ban hành văn bản kỹ thuật cũng như quy trình đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật cho Ban thư ký của WTO, các văn phòng cần có kế hoạch thông báo thông tin mới nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật mà các nước áp dụng bằng nhiều hình thức khác nhau như: văn bản, phương tiện thông tin đại chúng, internet, trực tuyến, hội thảo hoặc báo cáo chuyên đề;

- Cần có lịch tiếp và trả lời doanh nghiệp một cách khoa học, rõ ràng, nhanh chóng và tốt nhất; không được coi là cơ chế xin cho, kiên quyết loại bỏ những cản trở không cần thiết.

- Có hướng dẫn kịp thời, tránh hiểu lầm có thể xảy ra; khắc phục những thiếu sót nếu có, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường các nước.

- Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ nhân viên các văn phòng vì đây là cơ quan tham mưu cho chính phủ về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến tiêu chuẩn, quy trình đánh giá, thậm chí cả những vướng mắc cần tư vấn giải quyết khi có tranh chấp về tiêu chuẩn kỹ thuật.

3.1.4. Ký kết các hiệp định song phương và đa phương về rào cản kỹ thuật trong thương mại

Trong tình hình hiện nay, các quốc gia phát triển đang lợi dụng trình độ khoa học công nghệ vượt trội hơn để đặt ra ngày càng nhiều các rào cản kỹ thuật để hạn chế nhập khẩu từ các nước khác, đặc biệt là từ các nước đang và kém phát triển. Do đó, Chính phủ các quốc gia đang và kém phát triển phải thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình. Một trong những biện pháp hữu hiệu là tham gia vào các diễn đàn quốc tế về vấn đề này. Khi tham gia vào các Hiệp định quốc tế song phương cũng như đa phương về rào cản kỹ thuật thì các nước sẽ có được sự bảo vệ cũng như giúp đỡ cần thiết từ các bên liên quan nhờ đó sẽ có được sự công bằng khi tham gia vào thương mại quốc tế.

Với tình hình thực tiễn của nước ta hiện nay, khi trình độ kinh tế - xã hội cũng như khoa học - công nghệ còn thấp so với thế giới, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn khi phải đối mặt với các rào cản kỹ thuật. Các tiêu chuẩn mà nước ta áp dụng chưa phù hợp với tiêu chuẩn thế giới và chưa được thế giới công nhận cho nên hàng xuất khẩu của nước ta chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn mà các nước nhập khẩu yêu cầu. Để giúp hàng hoá của ta có thể vượt qua được các rào cản kỹ thuật, thâm nhập vào thị trường toàn thế giới thì Chính phủ ta cần tích cực tham gia đàm phán, ký kết các hiệp định quốc tế về rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn hoá song phương cũng như đa phương. Khi ký kết các hiệp định này, nước ta sẽ có điều kiện rà soát hiệp định, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế cho phù hợp với trình độ phát triển của nước mình và có thể tận dụng quyền nhận xét các tiêu chuẩn và các quy định quốc tế, bảo vệ được quyền lợi của nước ta cũng như các nước đang và kém phát triển khác.

3.1.5. Hỗ trợ doanh nghiệp trong vấn đề giải quyết tranh chấp liên quan đến rào cản kỹ thuật.

- Có tiếng nói chính thức bảo vệ doanh nghiệp trong nước trên trường quốc tế trong trường hợp phía đối tác tuyên truyền bất lợi cho nước ta hoặc gây áp lực chính trị...

- Nhà nước cần có chỉ đạo kịp thời cho các ban ngành liên quan tư vấn cho các doanh nghiệp về mặt chuyên môn pháp lý, cung cấp hoặc giới thiệu những luật sự trong và ngoài nước tin cậy nhằm tháo gỡ, giải quyết tranh chấp một cách tốt nhất.

- Thông qua các kênh ngoại giao, quan hệ chính thức để thương lượng trước khi xúc tiến các bước giải quyết tranh chấp;

- Hỗ trợ về mặt tài chính, thủ tục xuất nhập cảnh, phương tiện... để các doanh nghiệp theo đuổi các vụ kiện (nếu cần) nhằm giữ uy tín của doanh nghiệp cũng như uy tín của hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

3.1.6. Hỗ trợ về tài chính

- Nhà nước nên có các nghiên cứu để đưa ra các biện pháp hỗ trợ về mặt tài chính trong khuôn khổ các quy định của WTO cho phép như:

+ Đối với các doanh nghiệp đang chuyển đổi cơ cấu sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu (đặc biệt doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao), có thể áp dụng chế độ miễn, giảm thuế, vay ưu đãi;

- + Dành thuế ưu đãi đặc biệt về mặt tài chính cho các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác môi trường và xã hội.
- + Ưu tiên cho doanh nghiệp vay vốn từ các nguồn tín dụng ưu đãi để đăng ký xin cấp chứng chỉ ISO, HACCP;
- + Nhà nước giành vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư hằng năm cho các chương trình quy hoạch vùng sản xuất, các trung tâm giống đa quốc gia để tạo ra các giống, các nguyên liệu sản xuất sạch và có chất lượng (đối với các ngành nông nghiệp và thủy sản), đầu tư xây dựng các quan trắc cảnh báo môi trường như thiên văn...
- + Quảng cáo, thông tin miễn phí về những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật, đến an toàn vệ sinh dịch tễ, đến môi trường sinh thái.
- + Đào tạo miễn phí cho các chương trình nâng cao kiến thức hiểu biết về tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Tạo điều kiện về kinh phí cho các doanh nghiệp đi tham quan, hội thảo, học tập giữa các địa phương, kể cả ra nước ngoài.

3.1.7. Đào tạo nguồn nhân lực

Nhà nước cần có chiến lược dài hạn về xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên môn pháp lý và thương mại chuyên sâu, đặc biệt các lĩnh vực liên quan đến thương mại quốc tế.

Có thể sử dụng việc đào tạo nguồn nhân lực theo hình thức:

- Hiện một số trường Đại học đã và đang giảng dạy môn quản lý chất lượng hàng hóa, song nội dung cần cập nhật hơn nữa về các hệ thống tiêu chuẩn chất lượng như ISO 9000, ISO 14000, SA 8000 hay HACCP... và đặc biệt lưu ý đến những tiêu chuẩn kỹ thuật mới ra đời.

- Đưa nội dung một số môn liên quan đến quản trị, kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật vào chương trình đào tạo bắt buộc trong khối trường đại học.

- Mở thêm một số ngành hoặc chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực này;

- Mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho cán bộ thực hiện các công việc liên quan tới xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc đào tạo từ xa qua mạng.

- Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực đào tạo với nước ngoài, cả dài hạn và ngắn hạn, nhằm nâng cao trình độ cán bộ nhân viên về chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia, các quy định của WTO... Thông qua hợp tác đào tạo, chúng ta có thể tìm ra

những nhà tư vấn giỏi trong lĩnh vực này, giúp cho các doanh nghiệp có những giải pháp thích hợp vượt rào cản về kỹ thuật.

3.2. Đối với các hiệp hội

3.2.1. Xúc tiến thương mại

Các hiệp hội cần hỗ trợ doanh nghiệp nhiều hơn trong việc xúc tiến thương mại ở thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Hiệp hội nên tăng cường tổ chức các chuyến đi thực tế, tổ chức cho doanh nghiệp tham dự hội chợ ở những trung tâm thương mại lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước khác, thúc đẩy hợp tác quốc tế, liên kết với các tổ chức, hiệp hội ngành hàng của các nước, qua đó, hỗ trợ hội viên tìm kiếm cơ hội đầu tư, bạn hàng mới, giới thiệu tiềm năng của hội viên đến bạn hàng nước ngoài, nâng cao uy tín và vị thế của ngành ở nước có hàng xuất khẩu và trong cộng đồng quốc tế.

Hiệp hội đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức về thương hiệu cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng, quảng bá và định vị thương hiệu. Điều này giúp doanh nghiệp tự ý thức được việc nâng cao chất lượng hàng hóa, hoàn chỉnh các tiêu chuẩn kỹ thuật, từ đó tăng được kim ngạch xuất khẩu, giữ vững uy tín trên thị trường thế giới.

3.2.2. Tổ chức các khóa đào tạo

Hiệp hội tạo mối liên kết ngang giữa các doanh nghiệp, là nơi gắn kết các doanh nghiệp, gần gũi nhất với doanh nghiệp. Chính bởi vậy, Hiệp hội hiểu rõ những điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu của doanh nghiệp. Do đó, hiệp hội cần tổ chức các khóa đào tạo, lớp tập huấn và cả các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên ngành để giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề cho công nhân. Hội thảo, tọa đàm là nơi để doanh nghiệp trao đổi, gặp gỡ, giao lưu cơ hội làm ăn, kiến thức kinh nghiệm kinh doanh và quản lý.

3.2.3. Cung cấp thông tin

Các hiệp hội với tư cách là đầu mối nắm bắt thông tin và hướng doanh nghiệp trong việc xử lý thông tin liên quan tới các quy định về rào cản kỹ thuật thương mại của các nước. Các ban chuyên ngành về xúc tiến thương mại và thông tin thị trường cần có bộ phận tổ chức thu nhập, phân tích và xử lý thông tin thị trường có tính chất chuyên ngành. Nắm chắc được yêu cầu của nhà nhập khẩu về chính sách, quy định nhập khẩu của các nước, về đối thủ cạnh tranh để tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong

khâu tiếp cận thị trường, tổ chức sản xuất và xuất khẩu.

Hiệp hội còn là cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước. Do vậy, các hiệp hội cần tích cực tổng hợp các kiến nghị của các hội viên về cơ chế, chính sách phản ánh ngược lên cơ quan hữu quan của Nhà nước để từ đó có những hoạch định, hoàn chỉnh chính sách, biện pháp mới tốt hơn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến rào cản kỹ thuật.

Các hiệp hội ngành hàng cần nhanh chóng kiện toàn bộ máy, tổ chức lại mô hình hoạt động để thực hiện tốt vai trò là người hỗ trợ doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường, nguồn nguyên liệu, giúp liên kết doanh nghiệp với nhau để mở rộng năng lực sản xuất, là đại diện hữu hiệu để phản ánh nhu cầu, yêu cầu của doanh nghiệp tới Chính phủ.

3.2.4. San sẻ rủi ro, sẵn sàng khởi kiện và kháng kiện

Các hiệp hội cần chủ động thu thập thông tin liên quan tới các vụ kiện về bán phá giá, về trợ cấp, hoặc liên quan đến tự vệ... của các nước đối với hàng hóa của cả Việt Nam lẫn nước khác. Ở hầu hết các nước, việc khởi kiện và kháng kiện đều do các Hiệp hội chủ động phát động chứ không phải do cơ quan quản lý nhà nước. Vấn đề khởi kiện và kháng kiện trong tranh chấp thương mại quốc tế không phải để phán xử ai thắng ai thua mà là để đòi hỏi các quyền đối xử bình đẳng theo nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết vướng mắc thị trường. Trong những trường hợp xảy ra vướng mắc với một thị trường nào đó từ thông tin có được, hiệp hội cần thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng của Việt Nam để giải quyết và đàm phán kịp thời nhằm ngăn chặn và giảm bớt xung đột gây bất lợi cho uy tín của doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới.

3.3. Đối với doanh nghiệp.

3.3.1. Xây dựng chiến lược xuất khẩu

Cần xây dựng chiến lược về sản phẩm: lựa chọn sản phẩm gì trong cơ cấu dải sản phẩm của doanh nghiệp cũng như của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường ngoài.

Xây dựng chiến lược về thị trường: cần nghiên cứu rõ đối tác, quy mô, xuất sang từng thị trường cụ thể và cần nêu rõ những đặc tính, quy định và các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ, vệ sinh môi trường, trách nhiệm xã hội đối với mặt hàng mà doanh nghiệp đó sẽ xuất khẩu sang thị trường.

Xây dựng chiến lược về quảng cáo bán hàng: đảm bảo đầy đủ thông tin sản

phẩm, khuyến khích trưng về chất lượng, độ an toàn, tin cậy của hàng hóa cũng như các dịch vụ đi kèm hàng hàng.

Chiến lược cần xây dựng dài hạn từ 10 năm trở lên, trên cơ sở đó, có các kế hoạch trung hạn (3-5 năm) và ngắn hạn (6 tháng – 1 năm) nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định

3.3.2. Nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức cho tất cả các thành viên trong từng doanh nghiệp

3.3.3. Xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết tự nguyện theo từng ngành hàng

3.3.4. Xây dựng chính sách và marketing đẩy mạnh xuất khẩu

3.3.5. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu trên thị trường thế giới.

Hiện nay, các doanh nghiệp có thể áp dụng các hệ thống chất lượng được công nhận rộng rãi trên thế giới như hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế ISO 9000, hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ TQM, hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, GMP cho các xí nghiệp sản xuất dược phẩm, thực phẩm, nông sản và thủy sản, hệ thống quản trị môi trường theo ISO 14000... áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp các doanh nghiệp cải thiện hình ảnh của mình, tạo niềm tin cho bạn hàng và người tiêu dùng. Việc áp dụng các hệ thống này sẽ đem lại cho doanh nghiệp nhiều cái lợi so với sự đầu tư ban đầu.

Trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần chú trọng hơn nữa tới việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ở doanh nghiệp mình vì những hệ thống này sẽ giúp cho các doanh nghiệp cũng như sản phẩm của doanh nghiệp được công nhận toàn cầu và có thể vượt qua các quy định về chất lượng, vệ sinh và môi trường của các nước nhập khẩu đồng thời cũng được người tiêu dùng ưa thích hơn. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có điều kiện áp dụng các hệ thống này thì Nhà nước cần có sự hỗ trợ, bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải tự mình tìm ra các giải pháp thích hợp tùy điều kiện của mình. Đầu tư áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế không những giúp doanh nghiệp có thể thoả mãn yêu cầu của những thị trường khó tính mà doanh nghiệp còn có thể kiểm soát, quản lý chất lượng tốt hơn, giảm những sản phẩm khuyết tật đồng thời tiết kiệm chi phí kiểm tra, kiểm soát và sửa chữa cho doanh nghiệp.

3.3.6. Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm

Để vượt qua các rào cản đó và đẩy mạnh xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới công nghệ, mua sắm mới máy móc thiết bị. Điều này một mặt làm giảm giá thành sản xuất, mặt khác nâng cao chất lượng hàng hoá, đáp ứng các yêu cầu của các nước nhập khẩu về bao bì, đóng gói, an toàn vệ sinh, quy trình chế biến... Những công nghệ mới ít gây ô nhiễm môi trường vừa bảo vệ môi trường các nước sản xuất vừa giúp doanh nghiệp vượt quan rào cản về môi trường trong thương mại. Tuy nhiên với điều kiện tài chính của các doanh nghiệp nước ta như hiện nay thì không phải doanh nghiệp nào cũng có điều kiện để đổi mới hoàn toàn công nghệ và máy móc mà các doanh nghiệp cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp mình lập kế hoạch thay thế, đổi mới cho phù hợp. Các doanh nghiệp cũng nên khuyến khích các sáng kiến đổi mới công nghệ, các giải pháp hữu ích cho sản xuất của công nhân và cán bộ kỹ thuật trong doanh nghiệp. Biện pháp này giúp doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí mà vẫn có thể đổi mới phương pháp sản xuất một cách hiệu quả.

Song song với đổi mới công nghệ, doanh nghiệp cũng cần chú trọng việc nâng cao trình độ kỹ thuật và quản lý kỹ thuật trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần liên tục đào tạo nâng cao tay nghề cho các công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp để họ có thể nắm bắt, sử dụng những công nghệ và thiết bị sản xuất mới hiện đại. Đặc biệt, doanh nghiệp cần có những cán bộ quản lý kỹ thuật có trình độ, có khả năng tiếp thu khoa học công nghệ mới. Những cán bộ kỹ thuật giỏi này sẽ là những người tiếp xúc và nắm bắt công nghệ mới đầu tiên sau đó họ sẽ giúp hướng dẫn, đào tạo các công nhân kỹ thuật cho doanh nghiệp. Những cán bộ kỹ thuật cũng cần hiểu biết rõ về những quy định, tiêu chuẩn trong nước cũng như ngoài nước đối với sản phẩm của công ty và đưa ra được các giải pháp để sản phẩm có thể đáp ứng được các quy định, tiêu chuẩn đó. Để có được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao thì doanh nghiệp cần có chính sách đào tạo và bồi dưỡng nhân tài phù hợp. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần có chế độ đãi ngộ đặc biệt đối với họ. Những cán bộ kỹ thuật này sẽ là nòng cốt giúp doanh nghiệp từng bước nâng cao trình độ kỹ thuật và năng lực sản xuất trong toàn doanh nghiệp. Nhờ đó, các sản phẩm của doanh nghiệp sẽ có chất lượng ngày càng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN

Rào cản thương mại quốc tế là một trong những vấn đề rất rộng lớn, luôn có sự thay đổi và phức tạp cao. Bởi vậy, thông qua đề tài nghiên cứu, nhóm tác giả đã trình bày được một số vấn đề cơ bản chủ yếu như sau:

Một là, khái quát hóa các khái niệm chung nhất về rào cản thương mại quốc tế; trong đó có rào cản thuế quan và rào cản phi thuế quan; làm rõ khái niệm về tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật; phân loại hàng rào kỹ thuật theo Hiệp định TBT của WTO và các nội dung của tiêu chuẩn kỹ thuật.

Hai là, vai trò áp dụng rào cản kỹ thuật đến hoạt động xuất nhập khẩu và bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật để điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu.

Ba là, tác động của tiêu chuẩn kỹ thuật đến hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu và một số giải pháp để vượt rào cản kỹ thuật.

Chính vì vậy, để sử dụng hữu hiệu công cụ “tiêu chuẩn kỹ thuật trong điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu” đòi hỏi sự tham gia ở tầm vĩ mô và vi mô, từ vai trò quản lý nhà nước, các bộ ngành, đến sự tham gia của doanh nghiệp và nhận thức của người dân (người tiêu dùng) - những đối tượng chịu tác động; từ đó từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa nền sản xuất của Việt Nam phát triển ngày càng hiện đại, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Qua nghiên cứu này, một lần nữa chúng ta có thể khẳng định **“Trong điều kiện hội nhập, các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật được coi là công cụ hữu hiệu để điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các quốc gia”** là hoàn toàn chính xác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 <http://www.tbtvn.org/VBLienQuanTBT/TBT-HANDBOOK-TIENG%20VIET.pdf>, Sổ tay Hiệp định TBT, trang 36
- 2 <http://www.tbtvn.org/VBLienQuanTBT/TBT-HANDBOOK-TIENG%20VIET.pdf>, Sổ tay Hiệp định TBT, trang 36
- 3 <http://www.tbtvn.org/VBLienQuanTBT/TBT-HANDBOOK-TIENG%20VIET.pdf>, Sổ tay Hiệp định TBT, trang 37
- 4 <https://read.alezaa.com/?id=c8104bbd-6c3b-4c8e-831c-f04ebf38ea4c&lo=3.34.33>, Rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế: Lý thuyết và thực tiễn, PGS, TS Nguyễn Hữu Khải; TS Đào Ngọc Tiên; Ths Đỗ Ngọc Kiên, NXB Bách Khoa – Hà Nội.
- 5 <http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/1-6%20raocankt.pdf>, Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) – Các Hiệp định và nguyên tắc WTO, trang 9
- 6 http://thongtinkhcnclak.vn:81/kqncvn2012/Ngoai_thuong/Toan_van/5088.pdf, Bộ Thương mại, Đề tài 2003-78-020, Nghiên cứu các rào cản trong thương mại quốc tế và đề xuất các giải pháp đối với Việt Nam, trang 23 đến trang 40
- 7 <http://www.giadinhvietnam.com/hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-tai-thi-truong-trung-quoc-d52133.html>, Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại thị trường Trung Quốc, 15:34, 17/04/2015
- 8 <http://vasep.com.vn/doc/Mot-so-dieu-can-biet-khi-kinh-doanh-voi-Trung-Quoc.pdf>, trang 39